

Số: 1199/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày // tháng // năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Kế toán**, mã số: 7340301 (2 chuyên ngành: **Kế toán; Kiểm toán**).

**Điều 2.** Giao Khoa Kế toán – Tài chính quản lý chương trình đào tạo này.

**Điều 3.** Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

**Điều 4.** Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Trang Thị Trung*



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: KẾ TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1197/QĐ-ĐHNT ngày 11 tháng 11 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kế toán – Tài chính
b) Tên chương trình	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)
c) Ngành đào tạo	Kế toán
d) Mã số ngành đào tạo	7340301
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kế toán
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

### II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
1. PEO2: Có khả năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính và hồ sơ thuế cho mục đích báo cáo và cung cấp thông tin nội bộ và bên ngoài;
3. PEO3: Có khả năng phân tích các vấn đề kế toán và giao tiếp hiệu quả;
4. PEO4: Có khả năng đánh giá thông tin tài chính và phi tài chính cho mục đích ra quyết định;
5. PEO5: Có tác phong chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ kế toán, thuế và tài chính;
6. PEO6: Có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh doanh.

#### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)					
	1	2	3	4	5	6
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x				x	x
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x	x	x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x	x	x	x
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ				x		
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x				x	x

### III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kế toán, sinh viên có khả năng:*

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Áp dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, thị trường và pháp luật chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc kế toán, kiểm toán;
5. PLO5: Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế vào việc thực hiện công việc kế toán, kiểm toán tại các đơn vị;
6. PLO6: Tổ chức được công tác kế toán trong các đơn vị (lập chứng từ kế toán, ghi sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế,...);
7. PLO7: Thực hiện được việc kiểm toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán các khoản mục của báo cáo tài chính;
8. PLO8: Đánh giá được các vấn đề về tài chính của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu quản trị và hoạch định các chính sách tài chính tại các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp;
9. PLO9: Phản biện, giải thích được nội dung dựa trên cơ sở của thông tin kế toán cho việc ra quyết định;
11. PLO10: Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp;
11. PLO11: Thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch công việc, động viên, giao việc và lập kế hoạch kinh doanh.

#### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra – PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	x	x	x								x
2			x	x	x	x	x	x	x	x	
3			x	x	x	x		x	x	x	
4			x	x	x	x		x	x		
5	x				x	x	x			x	
6				x		x		x	x	x	x

#### IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Kế toán đảm nhận các chức danh như sau:

- Nhân viên kế toán, kiểm toán viên nội bộ, kiểm soát viên, giao dịch viên ngân hàng, nhân viên quản lý thuế, nhân viên tư vấn tài chính, nhân viên quản trị rủi ro,...;
- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, trưởng ban kiểm soát, giám đốc tài chính;
- Nhân viên môi giới chứng khoán, nhân viên quản lý dự án, nhân viên phòng giao dịch và ngân quỹ;
- Giảng viên, thanh tra thuế,...

2. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Kế toán đảm nhận các vị trí công việc như sau:

- Lập hồ sơ chứng từ và ghi sổ kế toán;
- Lập hồ sơ thuế và báo cáo tài chính, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, giao dịch ngân hàng, quản lý thuế, quản lý ngân quỹ, tư vấn tài chính, quản trị rủi ro, quản lý tài chính.

3. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Kế toán có thể làm việc ở những nơi như sau:

Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan thuế, công ty kiểm toán, công ty tư vấn về kế toán và thuế, ngân hàng, các tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm, các cơ sở đào tạo, hoặc tự kinh doanh.

#### V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

<b>Thông tin tuyển sinh</b>	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
<b>Điều kiện nhập học</b>	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
<b>Quy định đào tạo</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
<b>Điều kiện tốt nghiệp</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

#### VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>48</b>	<b>35</b>	<b>44</b>	<b>92</b>	<b>4</b>	<b>8</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	14	18	90	2	10
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	9	7	9	100	0	0
3	Ngoại ngữ	8	6	8	100	0	0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	8	9	82	2	18
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>91</b>	<b>65</b>	<b>81</b>	<b>89</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
1	Cơ sở ngành	30	22	26	87	4	13
2	Ngành	51	37	45	88	6	12
3	Tốt nghiệp	10	7	10	100	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>139</b>	<b>100</b>	<b>125</b>	<b>90</b>	<b>14</b>	<b>10</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			<b>139</b>	<b>Bắt buộc</b>				<b>17</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>10</b>
				<b>Tự chọn</b>				<b>-</b>	<b>2*</b>	<b>3*</b>	<b>2*</b>	<b>3*</b>	<b>2*</b>	<b>2*</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>		<b>48</b>												
<b>I.1</b>	<b>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</b>		<b>20</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>18</b>					<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>			
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3				2					
5	POL310	Lịch sử ĐCSVN	2	30		2,3					2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2					
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>2</b>						<b>2*</b>						
9	SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30					2*						
10	ENE318	Môi trường và phát triển	2	30					2*						
11	SSH383	Khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo	2	30					2*						
12	SSH317	Nhập môn hành chính NN	2	30					2*						
<b>I.2</b>	<b>Nhóm HP bắt buộc khối Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&amp;MT</b>		<b>9</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>9</b>					<b>6</b>		<b>3</b>					
13	MAT327	Toán 1	3	45				3							
14	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		13				3					
15	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30			3							
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>					<b>4</b>	<b>4</b>						
16		Ngoại ngữ 1	4					4							
17		Ngoại ngữ 2	4			16			4						
<b>I.4</b>	<b>Thể chất và Quốc phòng - An ninh</b>		<b>11</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>9</b>					<b>1</b>							
18	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3												
19	QPAD02	Công tác QP và AN	2												
20	QPAD033	Quân sự chung	1												
21	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2												

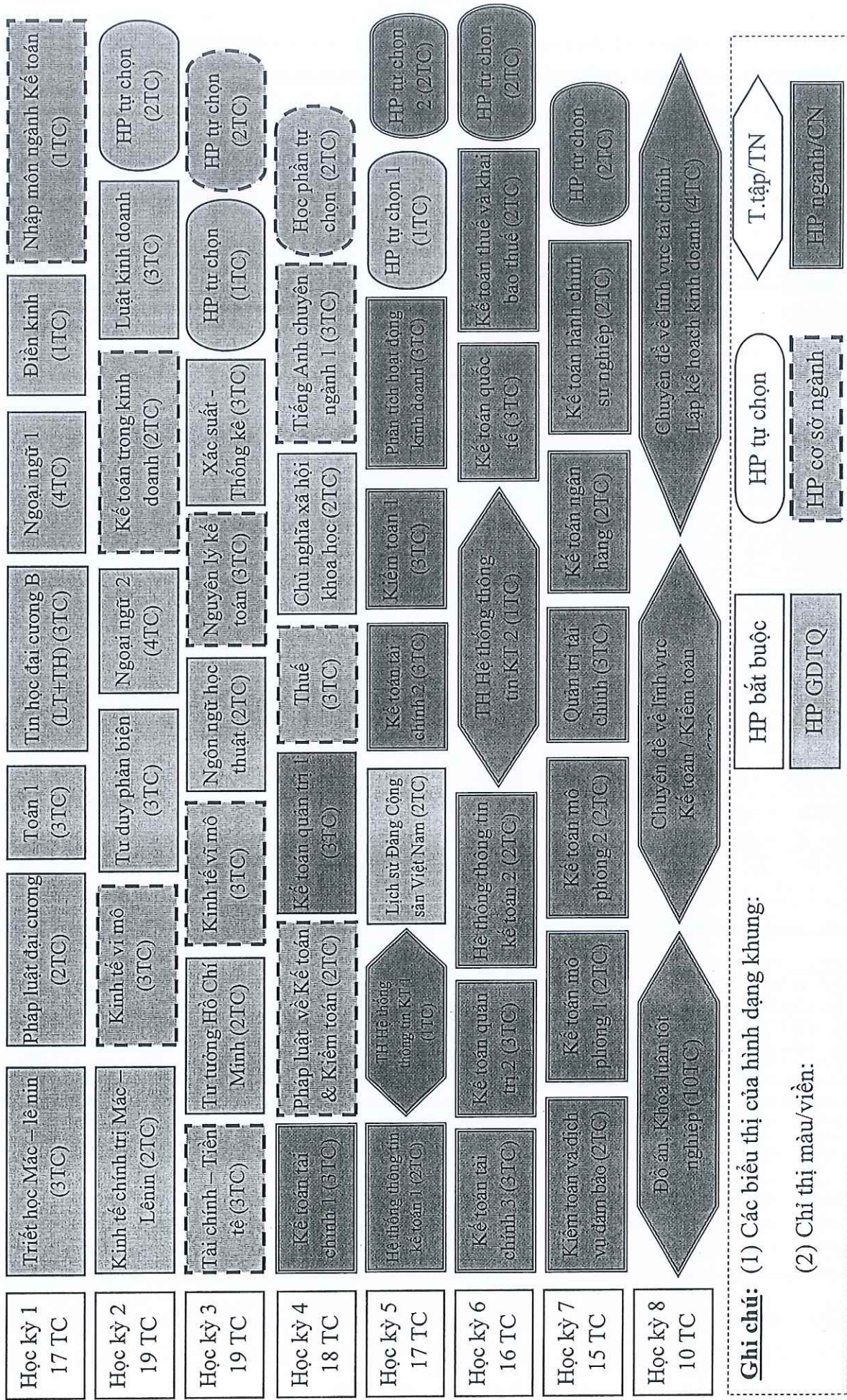
<sup>1</sup> Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8		
22	85065	Điền kinh	1					1									
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>2</b>								1*		1*				
23	85097	Bóng đá	1								1*		1*				
24	85098	Bóng chuyền	1								1*		1*				
25	85105	Cầu lông	1								1*		1*				
26	85108	Taekwondo	1								1*		1*				
27	85066	Bơi lội	1								1*		1*				
28	851111	Aerobic	1								1*		1*				
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>91</b>														
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>30</b>														
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>26</b>					<b>1</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>8</b>						
29		Nhập môn ngành Kế toán	1	15				1									
30		Kinh tế vi mô	3	45					3								
31		Kinh tế vĩ mô	3	45		30				3							
32		Pháp luật về Kế toán & Kiểm toán	2	30		6					2						
33		Nguyên lý kế toán	3	45		30				3							
34		Thuế	3	45		33					3						
35		Tài chính – Tiền tệ	3	45		31				3							
36		Kế toán trong kinh doanh	2	30		30			2								
37		Luật kinh doanh	3	45		6			3								
38		Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45		17					3						
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>4</b>								2*	2*					
39		Ngân hàng thương mại	2	30		35					2*						
40		Kinh doanh xuất nhập khẩu	2	30		30					2*						
41		Thị trường chứng khoán	2	30		35						2*					
42		Thanh toán quốc tế	2	30		35						2*					
43		Marketing căn bản	2	30		30					2*						
<b>II.2</b>	<b>Ngành</b>		<b>51</b>														
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>45</b>								6	12	14	13			
44		Kế toán tài chính 1	3	45		33					3						
45		Kế toán tài chính 2	3	45		44						3					
46		Kế toán tài chính 3	3	45		45							3				
47		Kế toán quản trị 1	3	45		33					3						
48		Kế toán quản trị 2	3	45		47							3				
49		Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30		44						2					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
50		Thực hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1		15	49							1			
51		Hệ thống thông tin kế toán 2	2	30		50								2		
52		Thực hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1		15	51								1		
53		Kiểm toán 1	3	45		44							3			
54		Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	30		53									2	
55		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45		47							3			
56		Kế toán mô phỏng 1	2	15	15	46									2	
57		Kế toán mô phỏng 2	2	15	15	52									2	
58		Kế toán quốc tế	3	45		45								3		
59		Quản trị tài chính	3	45		46									3	
60		Kế toán ngân hàng	2	30		33									2	
61		Kế toán thuế và khai báo thuế	2	15	15	45								2		
62		Kế toán hành chính sự nghiệp	2	30		33									2	
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>6</b>										2*	2*	2*	
63		Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	30									2*			
64		Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	2	30		46									2*	
65		Lập kế hoạch kinh doanh	2	30										2*		
66		Quản trị nhân lực	2	30									2*			
67		Thẩm định tín dụng	2	30											2*	
68		Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30		38								2*		
<b>II.3 Tốt nghiệp</b>			<b>10</b>													<b>10</b>
69. Khóa luận tốt nghiệp			10		150											10
Hoặc sinh viên thực hiện 02 chuyên đề tốt nghiệp			10		150											10
70. Chuyên đề về lĩnh vực Kế toán / Kiểm toán			6		90											6
71. Chuyên đề về lĩnh vực tài chính / Lập kế hoạch kinh doanh			4		60											4

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "\*" là của HP tự chọn.

**7.2. Lưu đồ đào tạo**







32	Pháp luật về Kế toán & Kiểm toán	2	R			M	M					M		1R+3M
33	Nguyên lý kế toán	3				R	R	R				I		1I+3R
34	Thuế	3				R	M	R						2R+1M
35	Tài chính – Tiền tệ	3				R	R							2R
36	Kế toán trong kinh doanh					R	M					R	R	3R+1M
37	Luật kinh doanh	3	R			R							M	2R+1M
38	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3			M		R						R	2R+1M
39	Ngân hàng thương mại	2				x	x							x
40	K. doanh xuất nhập khẩu	2				x							x	x
41	Thị trường chứng khoán	2				x								x
42	Thanh toán quốc tế	2				x	x							x
43	Marketing căn bản	2				x								x
<b>II.2 Ngành</b>														
44	Kế toán tài chính 1	3					R	R	R			R		4R
45	Kế toán tài chính 2	3					R	R	R			R		4R
46	Kế toán tài chính 3	3					M	M	R			R	R	3R+2M
47	Kế toán quản trị 1	3					R	R	R			R		4R
48	Kế toán quản trị 2	3					M	M	R			R	R	3R+2M
49	HT thông tin kế toán 1	2						R	R			R		3R
50	TH HT thông tin kế toán 1	1										R		1R
51	HT thông tin kế toán 2	2						M	R			M		1R+2M
52	TH HT thông tin kế toán 2	1										M		1M
53	Kiểm toán 1	3							M			R		1R+1M
54	Kiểm toán và d.vụ đảm bảo	2							M	R		R		2R+1M
55	Phân tích hoạt động KD	3								M		I	R	1I+1R +1M
56	Kế toán mô phỏng 1	2					R	R	R					3R
57	Kế toán mô phỏng 2	2					M	M	R				R	2R+2M
58	Kế toán quốc tế	3					M	M	R					1R+2M
59	Quản trị tài chính	3								M		R	R	2R+1M
60	Kế toán ngân hàng	2					M	M	R			R		2R+2M
61	KT thuế và khai báo thuế	3					M	M	M				R	1R+3M
62	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					M	M	R					1R+2M
63	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2							x			x		x
64	Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) (IFRS)	2					x	x	x					x
65	Lập kế hoạch kinh doanh	2										x	x	x
66	Quản trị nhân lực	2										x	x	x
67	Thẩm định tín dụng	2				x				x			x	x
68	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2			x		x		x			x		x
<b>II.3 Tốt nghiệp</b>														
	<b>Tổng</b>		2R+	8I	6M	1I+	8R+	7R+	12R+	1R+	3I+	1I+	2R+	
			8M	+2R		5R+	11M	9M	4M	3M	12R+	7R+	1M	
				+2M		4M					3M	3M		
	<b>Chuẩn đầu ra (PLO)</b>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

#### 7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

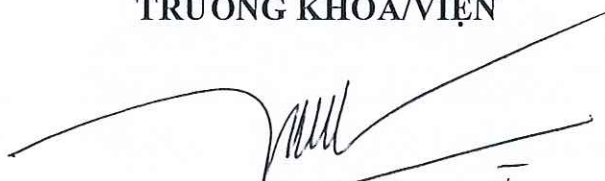
- Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).
- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.
- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

### IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

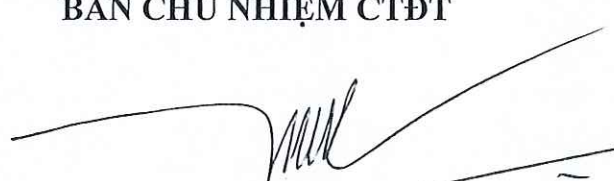
Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,....

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

  
Nguyễn Thị Châu Cát


BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

  
Nguyễn Thị Châu Cát

HIỆU TRƯỞNG

   
Trương Thị Trung

HỖ PHÁT TRIỂN CTĐT

  
Quốc Hoàn Nam